

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 44

### *Phẩm 4: NÓI VỀ NGHIỆP* (PHẦN 12)

Như trên đã nói, Bồ-tát trụ định là người từ địa vị nào được gọi là trụ định. Bồ-tát kia lại đối với thuyết nào gọi là định. Tụng nói:

*Từ tu nghiệp diệu tướng  
Bồ-tát được tên định  
Sinh nhà quý, đường lành  
Đủ nam vì niệm chắc.*

**Luận nói:** Từ việc tu có thể chiêu cảm nghiệp quả dị thực của ba mươi hai tướng đại sĩ phu tốt đẹp, Bồ-tát mới được gọi là trụ định. Vì từ thời gian này cho đến thành Phật, thường sinh cõi thiện và nhà quyền quý v.v...

Sinh cõi thiện là sinh cõi người, cõi trời. Do ở cõi này phần nhiều hành thiện, vì cân xứng với sự tốt đẹp, nên được gọi là cõi thiện. Ở trong cõi thiện thường sinh vào nhà quyền quý nghĩa là Bà-la-môn hoặc Sát-đế-lợi, trưởng giả giàu có, đại Bà-la-môn. Ở trong nhà quyền quý, nhưng căn có đủ, thiếu, còn Bồ-tát kia thường đủ thặng căn, thường cảm thọ thân nam, thân nữ còn không làm, hưởng chi thọ thân Phiến đê v.v... Những kiếp sinh ra thường hay nhớ lại đời trước, việc thiện đã làm, thường không chịu khuất phục, thoái lui. Nghĩa là đối với tất cả phương tiện trong tất cả thời gian lợi lạc tất cả hữu tình tâm không mỗi một gọi là không thoái lui khuất phục. Do không có tụt hậu, chịu khuất phục, nên gọi là bền chắc.

Há không là chưa tu vị nghiệp của diệu tướng, tâm Bồ-đề không lùi lại, nên được gọi là trụ định. Vì sao cần phải tu vị nghiệp của diệu tướng, Bồ-tát mới được tên của vị trụ định? Vì bấy giờ, hàng người, trời mới cùng biết chung, khi trước, chỉ có chư thiên đã biết, hoặc vào lúc bấy giờ, Bồ-tát đang hưởng về định Đăng giác, trước đó chỉ Đăng giác

quyết định không phải địa vị nào khác.

Tương ứng nào biết tu nghiệp diệu tướng? Tụng nói:

*Thiệm bộ, nam đối Phật*

*Tư Phật nghĩ chỗ thành*

*Hơn trăm kiếp mới tu*

*Đều trăm phước trang nghiêm.*

**Luận nói:** Bồ-tát phải ở châu Thiệm bộ mới có khả năng tạo nghiệp tu dẫn đến diệu tướng, vì tuệ giác của châu này rất sáng suốt, nhạy bén, nên chỉ là người nam, không phải thân nữ v.v... Bấy giờ, vì đã vượt qua vị nữ v.v... ở đây không cần nói; vì trong bài tụng trước đã nói: “Thường thọ thân nam”, nghĩa đã rõ rệt. Nếu cho rằng trước đã nói tạo nghiệp này, đã thường cảm thọ thân nam, nay, lại nói vì làm rõ đầu tiên tạo nghiệp này cũng không phải nữ v.v... nên nghĩa này và nghĩa trước có khác nhau thì lời bào chữa này phi lý vì nghĩa đã thành. Nghĩa là trước đã nói tạo nghiệp này rồi không phải thân nữ v.v... đã chứng tỏ thời gian tạo, cũng không phải thân nữ v.v..., vì không phải nữ v.v... vừa mới tạo nghiệp này, tức đã chuyển hình. Có khả năng chiêu cảm nghiệp diệu tướng thù thắng của đấng Thiện Thệ lẽ tất nhiên, dựa vào thân thanh tịnh, mới có thể dẫn khởi, nên do nghĩa này của thuyết trước nói đã thành.

Khi tạo nghiệp này, chỉ hiện đối trước Phật, nghĩa là trực tiếp thấy thân sắc bất cộng của Phật, với tướng tốt đóa nghiêm, với đủ các thứ kỳ lạ đặc biệt, có muốn dẫn khởi cảm tư của loại này, vì không đối trước Đức Như Lai, không chấp nhận khởi. Nghiệp của diệu tướng này chỉ duyên Phật để tư duy, vì Phật là cảnh thuận đức có thể làm cho vui, nên chiêu cảm nghiệp diệu tướng, chỉ do tư tạo thành, không phải tu tạo thành, vì giới không nhất định, nên ràng buộc vào cảnh này chiêu cảm dị thực, không phải văn tạo thành, vì căn tuệ kia yếu kém nên cũng không phải do gia hạnh, sinh đắc khởi, nghĩa là Bồ-tát kia chỉ trong ba vô số kiếp, tu hành các Ba-la-mật như thí v.v... nhiều viên mãn trong thân, mới có thể được, nên chỉ là gia hạnh, không phải thiện sinh đắc, chỉ hơn một trăm kiếp, tu tạo không phải nhiều, pháp trong nhân của chư Phật, phải như thế. Chỉ có Đấng Bạc-già-phạm Thích-ca Mâu-ni, đã tinh tấn đầy đủ thời gian, có thể vượt qua chín kiếp, thành tựu nghiệp diệu tướng của chín mươi một kiếp. Thế nên, Đức Như Lai bảo với chủ thôn xóm: Ta nhớ chín mươi một kiếp đến nay, không thấy một nhà nào do thí cho ta ăn, mà có một chút tổn thương, mà chỉ thành tựu lợi lớn. Vì từ tự tánh này, luôn nhớ đời trước, nên nói là ngang đây, chứ chẳng phải

trước kia không nhớ. Mỗi diệu tướng, đều được trang nghiêm do một trăm phước. Trăm tư duy nói trong đây, được gọi là một trăm phước, nghĩa là khi sắp tạo nghiệp mỗi diệu tướng, trước hết, khởi năm mươi tư thanh, tịnh, sửa trị thân khí. Kế đó mới dẫn khởi nghiệp một tướng. Sau đó, lại khởi năm mươi tư thiện, trang nghiêm dẫn nghiệp, khiến được viên mãn. Năm mươi tư là nương tựa ở mười nghiệp đạo, mỗi nghiệp đạo đều khởi năm tư. Và lại, dựa vào nghiệp đạo lià sát đầu tiên, có năm tư là:

1. Tư duy lià sát.
2. Tư duy khuyến khích, dẫn dắt.
3. Tư duy khen ngợi.
4. Tư duy tùy hỷ.
5. Tư duy hồi hương: Nghĩa là chỗ quay về tu, hướng đến giả thoát, cho đến chánh kiến đều có năm cũng như thế.

Có sư khác nói: Căn cứ mười nghiệp đạo đều khởi năm phẩm tư thiện bậc hạ. Trước, sau đều như thế, như tính lự huân tập.

Có sư khác nói: Căn cứ mười nghiệp đạo, mỗi nghiệp đạo đều khởi năm tư:

1. Gia hạnh tịnh.
2. Căn bản tịnh.
3. Hậu khởi tịnh.
4. Không phải tầm hại.
5. Niệm thâm nhận.

Lại có sư khác nói: Mỗi nghiệp tướng đều là duyên Phật, chưa từng tập tư duy, đủ trăm hiện tiền, để làm nghiêm sức.

Trăm phước, mỗi phước, lượng của chúng thế nào?

Có thuyết nói: Do dựa vào công đức được thêm lớn trong suốt ba vô số kiếp, đã nhóm hợp thành thân, phát khởi như vậy, không có đối, không đếm được phước lượng đức thù thắng, chỉ Đức Phật biết mà thôi.

Có thuyết nói: Nếu do sức tăng thượng nghiệp, chiêu cảm ngôi vị Luân vương, trị vì bốn châu lớn, tự tại mà chuyển, là một phước lượng.

Có thuyết nói: Nếu do sức tăng thượng nghiệp, được làm vua Đế Thích. Hai trời dục tự tại mà chuyển là một phước lượng.

Có thuyết nói: Chỉ trừ gần với Phật, Bồ-tát. Ngoài ra, tất cả hữu tình tu nghiệp quả giàu, vui là một phước lượng.

Có sư khác nói: Lượng này rất ít, phải nói là thời kỳ thế giới sắp thành lập, tất cả hữu tình do sức tăng thượng nghiệp của đại thiên, cõi

nước chiêm cảm là một phước lượng.

Nay, Bạc-già-phạm khi xưa là Bồ-tát, trong ba vô số kiếp đều cúng dường ngàn ấy vị Phật. Tụng nói:

*Trong ba vô số kiếp  
Đều cúng dường bảy vạn  
Như thứ lớp cúng dường  
Năm, sáu, bảy, ngàn Phật.*

**Luận nói:** Trong vô số kiếp đầu tiên, cúng dường bảy vạn, năm ngàn vị Phật. Trong vô số kiếp thứ hai, cúng dường bảy vạn sáu ngàn vị Phật. Trong vô số kiếp sau, cúng dường bảy vạn bảy ngàn vị Phật.

Ba vô số kiếp, khi mỗi vô số kiếp đã mãn và mới phát tâm đều đã gặp Đức Phật nào?

*Đủ ba vô số kiếp  
Ngược lại gặp Thắng Quán  
Phật, Nhiên Đăng, Bảo Kế  
Đầu Thích-ca Mâu-ni.*

**Luận nói:** Nói ngược thứ lớp, nghĩa là từ sau tới trước, ở vô số kiếp thứ ba mãn, đã gặp, thờ phụng Đức Phật, hiệu là Thắng Quán. Kiếp thứ hai mãn, đã gặp, thờ phụng Đức Phật hiệu là Nhiên Đăng ; Kiếp thứ nhất mãn, được gặp vị Phật, hiệu là Bảo Kế.

Vô số kiếp đầu tiên, trước hết, gặp Đức Thích-ca Mâu-ni, nghĩa là Đức Thế Tôn của ta, ở vị phát tâm đầu tiên, gặp một Bạc-già-phạm, hiệu Thích-ca Mâu-ni.

Khi Phật ấy xuất thế, đang ở cuối kiếp. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp, chỉ trụ một ngàn năm. Bảy giờ, Đức Thế Tôn của chúng ta làm con người thợ lò gốm. Đến chỗ Đức Phật đó, khởi tâm tịnh tâm trọng, dùng dầu thơm thoa, dùng nước hương để tắm gội.

Thiết lễ cúng dường rồi phát thệ nguyện rộng: Con nguyện sẽ thành Phật như Đức Thế Tôn ngày nay. Cho nên, nay Như Lai mỗi việc đều đồng với Đức Phật kia.

Bồ-tát Thích-ca của chúng ta ở trong địa vị nào? Ba-la-mật-đa nào tu tập viên mãn? Tụng nói:

*Chỉ do bi thí khắp  
Thân bị cắt, không giận  
Khen ngợi Phật Để sa  
Kế Bồ-đề vô thượng  
Sáu Ba-la-mật-đa  
Với bốn vị như thế,*

*Một, hai lại một, hai  
Thứ lớp tu viên mãn.*

**Luận nói:** Bồ-tát khi phát nguyện tu thí cho đầu tiên, chưa có thể khắp tất cả hàm thức, thí cho tất cả vật, chỉ vận dụng tâm bi. Bồ-tát kia, qua thời gian sau, nhờ sức tập quán, nên tâm bi càng tăng thịnh, có thể thí cho tất cả hữu tình, không phải tất cả vật. Nếu bấy giờ, Bồ-tát đối với khắp tất cả, có thể xả tất cả, chỉ do tâm bi, không phải tự mong cầu sự khác nhau của sinh thù thắng. Ngang với Bồ thí Ba-la-mật này, là tu tập viên mãn.

Có thuyết nói: Bồ-tát quán sát các thế gian túng thiếu tiền của, bị nghèo khổ ép ngặt, vì muốn đem lại lợi ích cho họ, cũng mang tâm bi, phát nguyện tự cầu được sinh vượt hơn khác nhau, do các Bồ-tát chẳng hề có lúc nào không vận dụng tâm bi mà thực hành thí cho. Nếu có khi Bồ-tát thân bị cắt xẻ mặc dù chưa lìa dục tham, nhưng tâm không chút giận. Ngang với đây là, tu tập viên mãn giới nhĩn Ba-la-mật-đa. Nhĩn viên mãn là: Tâm không tức giận đối với hữu tình kia. Giới viên mãn: Không khởi nghiệp hại thân ngữ người khác, vì tâm không tức giận, vì thân, ngữ không có điều ác, nên không có lúc nào giận giới nhĩn được viên mãn.

Nếu bấy giờ, Bồ-tát mạnh mẽ tinh tấn, khen ngợi Đấng sa, ấy là siêu việt chín kiếp. Mức độ tinh tấn Ba-la-mật này, là tu tập viên mãn. Nghĩa là xưa, có Phật hiệu Đấng sa. Phật kia có hai đệ tử Bồ-tát: Huệ là Thích-ca Mâu-ni và tên Mai-đát-lê được. Phật nhân quán sát ruộng mình đã hóa độ, rõ ràng soi sáng biết hai đệ tử này: Năng Tịch được hóa độ thành thực trước vì không phải tự thân, Từ thị tự thân thành thực trước, không phải do hóa độ. Biết rồi lại nghĩ thế này: Thuần thực nhanh chóng một thân, việc ấy ít dễ, rồi dùng phương tiện vào trong khám báu, ngồi kết già, dựa vào định thù thắng, pháp Phật bất cộng, hiện khắp ở trước. Năng Tịch nhân đi đến, gặp Đức Phật kia, ánh sáng uy nghiêm rực rỡ đặc biệt dị thường, bỗng giữ tâm thanh tịnh đứng một chân suốt bảy ngày đêm, dùng diệu Già-tha khen ngợi Đức Phật kia rằng:

*Trời đất cõi này, nhà học rộng  
Qua xít cung trời, mười phương không  
Trượng phu, Ngưu vương, Đại Sa-môn  
Khắp đất, núi, rừng không ai bằng.*

Khen ngợi như thế rồi thì vượt qua chín kiếp, ở trước Từ thị, chứng quả vô thượng.

Nếu lúc ấy, Bồ-tát ngồi tòa Kim cương, sắp lên Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, kế là trụ Kim cương dụ định ở trước Vô thượng giác. Ngang đây, tu tập viên mãn định, tuệ Ba-la-mật-đa.

Về lý vị này Vô gián mới viên mãn khi Tận trí mới viên mãn, nên riêng có thể đến bên kia bờ viên đức. Sáu pháp này gọi là Ba-la-mật-đa.

Khế kinh nói có ba việc phước nghiệp:

1. Sự việc phước loại Thí.
2. Sự việc phước loại Giới.
3. Sự việc phước loại Tu.

Ở đây, vì sao đặt tên việc nghiệp phước? Tụng nói:

*Ba loại: thí, giới, tu  
Đều tùy chỗ thích ứng  
Được gọi sự phước nghiệp  
Sai khác như nghiệp đạo.*

**Luận nói:** Ba loại đều là phước hoặc nghiệp, hoặc sự, tùy các pháp đó thích hợp, như nghiệp đạo nói, nghĩa là như phân biệt trong mười nghiệp: Có khi nghiệp cũng là đạo, có khi đạo không phải nghiệp. Trong đây, có khi phước vừa là nghiệp, vừa là sự, có khi phước nghiệp không phải sự, có khi phước, sự, không phải nghiệp, có khi chỉ là phước, không phải nghiệp, không phải sự. Vả lại, hai nghiệp thân, ngữ trong loại thí, đủ ba thứ danh nghĩa: Phước, nghiệp, sự. Vì thiện, nên là phước, vì tác uẩn cũng là nghiệp, là chủ thể cùng khởi tư nghiệp thân, ngữ, vì chuyển môn đối tượng nương tựa, nên cũng gọi sự. Tư cùng khởi kia chỉ gọi nghiệp phước. Tư cùng có pháp chỉ thọ tên phước. Vì loại giới đã chỉ tánh của nghiệp thân, ngữ, nên đều thọ đủ tên phước, nghiệp, sự.

Trong loại tu, từ chỉ gọi là phước, sự, vì sự của nghiệp, nên từ tương ưng tư, lấy từ làm môn, mà tạo tác, nên từ đều cùng có tư, giới chỉ gọi nghiệp phước, ngoài ra, pháp đều cùng có chỉ thọ tên phước, bi v.v... căn cứ ở từ này nên tư duy lựa chọn.

Có thuyết nói: Nghiệp phước rõ ràng nghĩa tạo phước, nghĩa là sự gia hạnh phước, làm sáng tỏ đối tượng nương tựa, nghĩa là tu thí, giới là sự của nghiệp phước, vì hoàn thành ba thứ phước, nghiệp, sự kia, nên khởi gia hạnh phước.

Có thuyết nói: Chỉ có tư là nghiệp phước chân thật, sự của phước, nghiệp, nghĩa là thí, giới, tu, lấy ba làm môn, vì chuyển phước nghiệp.

Pháp nào gọi là thí? Thí chiêu cảm quả gì? Tụng nói:

*Do xả này gọi thí*

*Cúng dường làm lợi ích  
Thân, ngữ, và phát tâm  
Nhận lấy quả rất giàu*

**Luận nói:** Dù vật đối tượng xả và chủ thể xả, đều có thể gọi thí, trong đây đã đặt tên thí, đều căn cứ ở xả đủ, nghĩa là do xả đủ này, sự được thành. Lý do xả là thể của thí, chân thật như cảnh bị đo, không được gọi lượng. Đã đặt tên lượng, căn cứ vào dụng cụ hay đo. Hoặc vì hơn nhau, cất giữ lời khen, truyền tập, tùy theo vào người khác, thân ái, gần gũi.

Do xả những việc như thế v.v... cũng thành. Nhưng không phải ý chánh ở đây đã nói, vì phân biệt phước, nghiệp, sự kia, nên nói là vì cúng dường, vì ích.

Nói đối với đã Niết-bàn, chỉ vì cúng dường, đối với pháp khác, cũng vì làm lợi ích. Các căn đại chúng kia khi có thực hành thí cho, chỉ vì làm lợi ích cho hữu tình kia, gọi đủ là sao? nghĩa là nghiệp, thân, ngữ và chủ thể phát này. Chủ thể phát, nghĩa là sao? Vô tham đều có khả năng khởi nhóm này, tức nghiệp thân, ngữ. tâm năng khởi và nhóm này đều vận hành, gọi chung là thể của thí, như có bài tụng nói:

*Nếu người dùng tâm tịnh  
Quên mình mà hành thí  
Sát-na thiện chứa này  
Gọi chung là bố thí.*

Nên biết phước, nghiệp, sự của loại thí như thế, hướng về giải thoát, cũng được quả ly hệ, mà Vả lại căn cứ quyết định gần vì nói chỉ nói chủ thể chiêu cảm quả giàu có của cải.

Dựa vào đâu để đặt tên giàu có lớn này?

Vì của cải tốt đẹp rất nhiều, không thể đoat, sự ra sức thắng nhau v.v... bố thí như kim độc đâm làm cho thương tổn. Mặc dù thí cho nhưng không có quả giàu có, nhiều của cải.

Nói phước của loại thí: Biểu thị nghĩa thí là thể, như đồ đựng loại đất sét. Loại gỗ, cột v.v..., cũng loại kiến nói không làm sáng tỏ nghĩa thể, như trí của loại nghe, không được nay thừa nhận. Loại tu giới loại nói: Căn cứ ở giới này, nên giải thích: Vì đối tượng làm lợi ích nào mà thực hành thí cho ư?Tụng nói:

*Vì ích mình và người  
Không vì hai hành thí.*

**Luận nói:** Khi thí chủ thí cho, quán hai lợi ích:

1. Vì ích mình, chiêu cảm quả thiện căn.

2. Vì làm lợi ích đại chúng các căn của người.

Thí chủ có hai loại: Một có phiền não, hai không có phiền não.

Người có phiền não, lại có hai thứ:

1. Người chưa lìa dục tham.

2. Người đã lìa dục tham.

Trong hai hạng người này, lại có hai hạng:

1. Các bậc Thánh.

2. Các phàm phu.

Trong đây, bậc Thánh chưa lìa dục tham và phàm phu đã lìa dục tham, phụng thí tháp Phật chỉ vì lợi ích cho mình, nghĩa là tự làm hai thứ thiện căn của mình thêm lớn:

1. Có thể chiêu cảm quả giàu có.

2. Vì được tư lương của nghĩa trên.

Có bậc Thánh đã lìa dục tham. Phụng thí tháp Phật, trừ thuận hiện thọ, không chiêu cảm giàu to. Do bậc Thánh kia đã có khả năng rất ráo siêu việt địa dị thực kia, mà chấp nhận vì được tư lương của nghĩa trên. Thế nên, cũng gọi là vì làm lợi ích cho mình, không phải vì bậc Thánh này hay làm lợi ích cho đại chúng căn của người khác, nên không lợi ích cho người và không có phiền não. Thí cho hữu tình khác chỉ vì ích lợi cho người, nghĩa là có thể làm lợi ích cho đại chúng các căn của người, không phải tự thêm lớn hai thứ thiện căn, nên không phải tự làm lợi ích, có phiền não.

Thí cho hữu tình khác, vì cả hai đều có lợi ích, không có phiền não tức là phụng thí tháp Phật trừ thuận hiện thọ, không vì hai việc ích này.

Có sư chỉ căn cứ ở thí cho, chiêu cảm giàu có mà phân biệt quả thí. Sư kia nói rằng: Tất cả trong đây, chỉ loại phàm phu chưa lìa dục tham, và đã lìa dục tham, cầm giữ sở hữu của mình.

Phụng thí tháp Phật thí này, gọi là chỉ vì lợi ích cho mình, không phải bậc Thánh kia do đó có được lợi ích.

Nếu các bậc Thánh đã lìa dục tham, thí cho các hữu tình, trừ thuận hiện thọ, thì thí cho này gọi là chỉ vì lợi ích người khác, vì bậc Thánh kia do đó được làm lợi ích, nên không phải ích mình siêu việt địa quả. Nếu tất cả bậc Thánh kia chưa lìa dục tham và đã lìa dục tham, các loại phàm phu gìn giữ cái mình có, đem thí cho các hữu tình, thì sự thí cho này gọi là vì cả hai đều có ích.

Nếu bậc Thánh kia đã lìa dục tham, phụng thí tháp Phật, trừ thuận hiện thọ, thì sự thí cho ấy gọi là không vì làm lợi ích cả hai.



Do đó, chỉ vì cúng dường, trả ơn, trước đây đã nói chung sự thí cho chiêu cảm giàu có. Nay, kể là sẽ nói về nhân riêng của quả thí. Tụng nói:

*Do chủ, của, ruộng khác  
Nên quả thí khác nhau.*

**Luận nói:** Thí cho có khác nhau là do ba thứ nhân, nghĩa là chủ, của, ruộng có khác nhau, vì sự thí cho có khác nhau, nên quả có khác nhau.:

Nói chủ, của, ruộng có khác nhau, nghĩa là thí chủ của, ruộng hơn kém của loại như thế, khác với chủ, của, ruộng khác. Và lại, do thí chủ có khác nhau: Tụng nói:

*Chủ khác do tín tâm...  
Kính trọng hành bố thí  
Được tôn quý yêu rộng  
Hợp thời quả khó mất.*

**Luận nói:** Hoặc có thí chủ đối với nhân quả, được niềm tin quyết định, hoặc có thí chủ đối với nhân, quả, ôm lòng do dự, hoặc có thí chủ làm theo ý muốn của mình. Hoặc có thí chủ đủ tịnh Thi-la, hoặc ít, thiếu, trái, hoặc hoàn toàn không có giới, hoặc có thí chủ nghe nhiều đầy đủ đối với giáo pháp Phật, hoặc có người ít nghe, hoặc người không có nghe v.v... mà thực hành tuệ thí, do thí chủ có đủ: Tín, giới, nghe v.v... vì công đức khác nhau, nên gọi chủ khác. Do chủ khác, nên thí cho trở thành khác nhau. Do sự thí cho có sự khác nhau, nên được quả có khác.

Có thí chủ đủ đức như thế, có khả năng như pháp thực hành bốn thứ thí cho như kính trọng v.v... như thứ lớp, là được bốn quả như tôn trọng v.v... nghĩa là nếu thí chủ thực hành kính trọng thí cho thì thường cảm được người khác tôn trọng. Nếu tự tay thí cho, thì có thể chiêu cảm được sự thọ dụng của cải rộng rãi và yêu thích. Nếu thí cho hợp thời, thì sẽ chiêu cảm được của cải hợp thời, cần dùng đúng thời. Không phải thời khác. Nếu thí cho người khác sự không tổn hại nên chiêu cảm được tiền của không bị nạn lửa, vua quan... xâm chiếm, phá hoại. Do của cải đã thí cho có khác nhau, Tụng nói:

*Của cải khác do sắc  
Được sắc đẹp, tiếng tốt  
Người yêu thân mềm mại  
Có tùy thời xúc, lạc*

**Luận nói:** Do của đã thí cho, hoặc thiếu, hoặc đủ, sắc, hương, vị,

xúc, như thứ lớp, sẽ được hoặc thiếu, hoặc đủ quả diệu sắc v.v... nghĩa là vì của, sắc đã thí cho đầy đủ, nên chiêu cảm được diệu sắc hương đầy đủ, ấy là chiêu cảm tiếng tốt, như hương thơm ngào ngạt, vì khắp các phương, vì vị đầy đủ, nên chiêu cảm được các thứ yêu thích, như vị ngon ngọt được mọi người yêu thích, tiếp xúc đầy đủ. Chiêu cảm thân mềm mại và có tùy thời sinh xúc lạc thọ. Nếu thí cho thiếu thì ứng với quả giảm.

Như thế, cũng do đủ sắc, hương v.v... nên gọi là của khác, vì của khác, nên thể thí cho và quả đều có khác nhau. Do ruộng đã thí cho có khác nhau. Tụng nói:

*Ruộng khác do đường khổ  
Ơn đức có khác nhau.*

**Luận nói:** Do đối tượng thí cho: Ruộng, cõi, khổ, ơn đức, vì đều có khác nhau, nên gọi ruộng khác, nên quả thí cho có đặc biệt.

Do được riêng: Như Đức Thế Tôn nói: Nếu thí cho cõi bàng sinh, thì sẽ cảm thọ quả gấp trăm lần, thí cho người phạm giới sẽ cảm thọ gấp một ngàn lần.

Lương gấp một trăm lần, một ngàn lần là sao?

Tùy theo ruộng, đối tượng thí cho, do thọ nhận thức ăn v.v... khiến cho sự sống lâu v.v... của họ được tăng ngần ấy số lượng. Do đó, thí chủ ở trong người, trời, cảm nhận bình đẳng, vượt hơn gấp một trăm lần, một ngàn lần người kia, nên Đức Thế Tôn nói: Khi thí chủ thí cho đối tượng cho: Năm sự như ruộng, sự sống lâu v.v... thí chủ do ở trong cõi người, cõi trời này, sẽ lại đạt được năm quả như sống lâu v.v...

Do khổ riêng: Như bảy hữu căn cứ trong sự phước, nghiệp, trước hết nên thí cho khách đi đường, người bệnh, kẻ chăm sóc vườn, rừng, thức ăn thường ngày và y phục, thuốc thang, tùy theo thời tiết giá lạnh, gió v.v... lại, nói: Nếu người nam, nữ đầy đủ tín tịnh, thành tựu bảy việc đã nói ở đây, có dựa vào phước nghiệp ấy, sẽ đạt được phước đức, không thể so lường. Nay, ở trong đây, do duyên khác nhau, nên khổ có khác. Do trừ các khổ khác nhau của người nhận, nên quả có khác nhau. Do ơn riêng: Như cha, mẹ, thầy và có ơn khác, như gấu, nai v.v... Kinh Bản sinh nói: Các loại có ơn đối với đối tượng có ơn, khởi các nghiệp ác, quả hiện có thể biết. Do đó, so sánh biết, thực hành trả ơn, khéo biết quả kia, chắc chắn do đức riêng, như Khế kinh nói: Thí cho người trì giới, được quả gấp một trăm, một ngàn lần, cho đến cúng thí cho Phật, quả thật vô lượng. Mặc dù đều vô lượng, nhưng cũng có nhiều ít, như giọt nước, biển lớn như sông Nậu già, như đối với tài thí, pháp thí là cao

quý.

Căn cứ theo tài thí, những gì là vượt hơn hết? Tụng nói:

*Bồ-tát thoát nơi thoát*

*Thí thứ tám, hơn hết.*

**Luận nói:** Nếu người đã giải thoát thí cho ruộng đã giải thoát, thì trong tài thí, thí cho này rất thù thắng. Nếu các Bồ-tát dùng thắng ý lạc... muốn lợi ích tất cả hữu tình, vì đại Bồ-đề mà thực hành tuệ thí, thì dù không phải giải thoát, thí cho ruộng giải thoát, nhưng trong phước thí, thì phước này rất thù thắng. Trừ thí này, lại có phước thí thứ tám trong tám loại thí, cũng rất thù thắng. Tám thí là:

1. Thí tùy theo đến.
2. Thí cho sự không sợ hãi.
3. Thí do báo ơn.
4. Thí cho cầu trả ơn.
5. Thí cho thói quen đời trước.
6. Thí cho hy vọng sinh lên cõi trời.
7. Thí cho phải danh.

Vì tâm trang nghiêm, vì trợ tâm vì trợ giúp Du-già, vì được các nghĩa trên mà thực hành tuệ thí.

Thí tùy đến. Nghĩa là tùy theo hữu tình gieo, tạo đến nay, thuận theo cơ nghi. Thí cho y phục, thức uống ăn, không phải kính trọng sâu nặng.

Thí cho sự không sợ hãi. Nghĩa là gặp cảnh tai ách, vì khiến cho lạng dớt mà thực hành tuệ thí. Hoặc thấy tướng vật cảnh này đang hủy hoại hiện tiền thì thí cho không mất, nên thực hành tuệ thí.

Thí cho thói quen đời trước. Nghĩa là theo thói quen người trước, phấp gia tổ phụ mà thực hành tuệ thí.

Vì tâm nghiêm. Nghĩa là dẫn phát Thánh tài thí v.v... như thực hành tuệ thí.

Tâm tư trợ. Nghĩa là vì muốn diệt trừ các keo kiệt nhớ bản mà thực hành tuệ thí.

Tư trợ Du-già. Nghĩa là cầu lạc định, lần lượt sinh nhân mà thực hành tuệ thí, nghĩa là do thí cho, nên được không có ăn năn, cho đến một tánh cảnh tâm.

Được nghĩa trên. Nghĩa là được Niết-bàn, do đầu tiên bỏ cửa, cho đến lần lượt tất cả sinh tử đều có thể bỏ. Lại, thực hành tuệ thí là nhân sinh thù thắng, vì dựa vào sinh này, có thể dẫn phát chứng pháp Niết-bàn. Các sự thí cho khác dễ hiểu, nên không giải thích riêng, như Đức

Thế Tôn nói về thí cho bậc Thánh được quả vô lượng.

Thí cho không phải quả Thánh cũng vô lượng ư? Tụng nói:

*Bệnh, cha mẹ, pháp sư*

*Bồ-tát sinh thân cuối*

*Như không chừa bậc Thánh*

*Quả thí cũng vô lượng.*

**Luận nói:** Năm thứ như thế, nếu là người phàm phu thí cho, cũng có thể chiêu cảm vô lượng quả. Trụ hữu sau cùng gọi là pháp sư sinh sau cùng.

Hỏi: Pháp sư trong bốn ruộng là thuộc về ruộng nào?

Đáp: Là thuộc về ruộng ơn. Vì sao? Vì nói Pháp sư là người có thể bảo cho biết sắp đọa vào các đường ác, là mở ra cổng thành yên ổn, chỉ cho đạo Giải thoát sinh lên cõi trời, là có thể khiến người đã làm phi có thể chuyển làm trong như lý, hay khéo tuyên dương tự tánh của pháp phẩm đen, trắng, và quả đối trị v.v... nên có thể thí tuệ nhân cho người mù không có trí. Do nói sức giáo mà pháp sư đã nói, quán sát không có trái nhau phẩm nhiễm, tịnh. Tóm lại, pháp sư khéo nói, cho đến có thể làm việc mà Đức Phật đã làm, nên chỉ đây là ruộng ân thắng nghĩa.

Người thí cho tất nhiên, chiêu cảm vô lượng quả. Tất cả có thể chiêu cảm nghiệp quả vô lượng.

Loại phẩm trên, dưới đều bình đẳng ư? Không như vậy, thì thế nào?

Do sáu nhân, nên khiến tất cả nghiệp trở thành phẩm nhẹ, nặng. Sáu nhân ấy là tụng nói:

*Khởi sau, ruộng, căn bản*

*Gia hạnh, tư, ý lạc*

*Vì do trên, dưới này*

*Nghiệp phẩm thành trên dưới.*

**Luận nói:** Khởi sau. Nghĩa là tạo nghiệp này rồi hoặc làm vội, hoặc thường theo trước mà làm. Ruộng nghĩa là làm thiện, làm ác ở ruộng kia. Căn bản là nghiệp đạo căn bản. Gia hạnh là dẫn thân, ngữ kia. Tư, nghĩa là do nghiệp đạo kia rất ráo. Ý lạc. Nghĩa là ý nghĩa sâu xa hiện có, ta phải làm như thế, như thế.

Nếu có sáu nhân đều là phẩm thượng, thì trái với nghiệp rất nặng này, đây là rất nhẹ. Trừ trung gian này, không phải rất nhẹ, nặng, nghĩa là hoặc có nghiệp chỉ vì thọ thuộc về khởi sau, nên được trở thành phẩm nặng, vì an lập nhất định quả dị thực kia, cho đến hoặc có chỉ do ý lạc, do hai, ba v.v... như lý nên biết, như Kế kinh nói:

Xem xét, tư duy tác nghiệp, gọi là tạo tác, cũng gọi thêm lớn. Vì sao gọi nghiệp là thêm lớn?

Do năm thứ nhân. Năm nhân ấy là, tụng nói:

*Do tư xét viên mãn  
Không ác tác đối trị  
Vì dị thực có bạn  
Nghiệp này gọi thêm lớn.*

**Luận nói:** Vì do xem xét, tư duy, nghĩa là xem xét tư duy mà làm, không phải theo tư duy mà làm, cũng không phải hoàn toàn không tư duy.

Vì viên mãn. Nghĩa là ngang với nghiệp lượng này lẽ ra đọa vào đường ác. Nghiệp này viên mãn, gọi là thêm lớn. Nghiệp khác chỉ tạo tác. Như có một loại đối với hạnh ác, do làm một nhân nên đọa đường ác. Hoặc có một loại, cho đến do ba. Trong mười nghiệp đọa hoặc có khi do một cho đến mười mới đọa đường ác.

Do vì không có ác tác đối trị. Nghĩa là không có ăn năn hối tiếc, không có nghiệp đối trị. Vì do có bạn nghĩa là tạo nghiệp bất thiện, bất thiện làm giúp đỡ, như trộm của người khác, lại làm nhiệm vụ nhà người khác, giết con v.v... của người khác.

Vì dị thực, nghĩa là thời gian bất định, nghiệp nhất định. Với dị thực thiện trái với bên trên. Khác với đây, nên biết chỉ gọi tạo tác.

Như trên đã nói, phụng thí tháp Phật, chưa lìa dục v.v... chỉ vì tự làm lợi ích. Đã không có người thọ dụng, phước thí cho, làm sao thành lập? Tụng nói:

*Phước loại: xả, Chế đa  
Như từ...không có thọ.*

**Luận nói:** Không phải ta chỉ thừa nhận của vật đã xả. Người thọ, thọ dụng, phước thí cho mới thành. Đối tượng thừa nhận là gì? Nghĩa là các phước thí, lược có hai loại:

1. Xả.
2. Thọ.

Phước của loại xả. Nghĩa là do tâm thiện, chỉ xả tiền bạc, của cải, phước thí liền khởi.

Phước của loại thọ. Nghĩa là ruộng, đối tượng thí, thọ dụng vật thí, thì phước của sự thí cho mới khởi. Đối với tháp Phật, đã phụng thí, cung cấp đầy đủ, dù không có thọ, mà có phước của loại xả, nhưng phước của loại xả đầu tiên, xả tiền của, phước này tức vì thành đối trị tham, nên vô tham vì đều cùng tư đẳng khởi, nên xả tiền của rồi tùy theo thọ dụng

ruộng, thí cho. Hoặc không thí phước, không mất.

Nếu không như vậy, thì có thí tăng-già, hoặc người riêng khác v.v... các tiền của, dụng cụ sinh sống. Hoặc vật mà người kia chưa dùng, lại hỏng mất.

Như thế, vật của thí chủ cho lẽ ra vô ích, phước thí không sinh, sẽ không có quả đặng lai, vì người kia đã chưa dùng, phước do đâu mà sinh? Dụng phước dù không có, nhưng vẫn có thọ phước, chế đa không có thọ phước do đâu sinh? Lại, do đâu chứng biết phước sinh, phải do ở thọ, vì không thọ thì ở phước kia sẽ không có thân nhiếp lợi ích.

Giải thích này không phải là chứng nhất định. Vì sao? Vì như tu từ v.v... phước cũng sinh, nghĩa là tu từ, nhất định đối với các hữu tình bình đẳng, phát khởi ý lạc cho vui, mặc dù không có thọ, cũng không có gồm nhiếp lợi ích, mà sức của thắng giải có nhiều phước sinh.

Tu bi v.v... nhất định sẽ được phước cũng vậy. phước thí chế-đa, so sánh lẽ ra cũng như thế. Đối với ruộng có đức, tùy sinh thắng giải, khởi tâm tôn kính cùng cực, phụng thí tháp Phật, dù không có người thọ, cũng không có gồm nhiếp lợi ích. Do sức tư duy của mình, có nhiều phước sinh, nhưng không vô ích. Khởi nghiệp kính thí, phải do khởi nghiệp, mới khởi tư duy thù thắng. Tư duy thù thắng mới có thể sinh phước vượt hơn. Như có loại muốn hại kẻ thù, mạng kẻ thù kia chết, nhưng vẫn ôm tưởng oán thù, phát khởi các thứ nghiệp thân, ngữ ác, sinh nhiều phi phước, không phải chỉ khởi tâm.

Như thế, Đại sư dù quá khứ đã, bày tỏ kính trọng phụng dưỡng, mà khởi nghiệp thân, ngữ, mới sinh ra nhiều phước, không phải chỉ khởi tâm.

Có người lập vấn nạn: Ở ruộng tốt lành, gieo trồng hạt giống nghiệp bố thí, đã sinh quả ái, gieo trồng ở thửa ruộng xấu, quả lẽ ra là phi ái?

Lời vấn nạn này phi lý. Vì sao? Tụng nói:

*Ruộng xấu có quả ái*

*Vì giống, quả không trái.*

**Luận nói:** Hiện thấy trong ruộng, giống, quả không có trái nhau. Từ giống Mạt độ ca, quả đắng sau cùng không sinh, trong giống Nhấm bà không sinh quả ngọt, không phải do sức ruộng, hạt giống và quả có trái nhau. Nhưng do lỗi của ruộng, khiến cho giống đã gieo trồng hoặc sinh trái ít, hoặc trái hoàn toàn không có.

Như thế, mặc dù gieo giống thí cho ruộng xấu, nhưng do tâm làm lợi lạc người khác của thí chủ, chỉ quả ái sinh, không chiêu cảm phi ái.

Đã nói về loại thí, nay sẽ nói về loại giới. Tụng nói:

*Lìa phạm giới và ngăn  
Gọi giới đều có hai  
Không phạm giới nhân hoại  
Dựa theo trị diệt tịnh*

**Luận nói:** Nói phạm giới. Nghĩa là các sắc bất thiện, tức từ sát sinh, cho đến lời tạp ược. Trong đây, tánh tội lập phạm giới. Gọi “giá”, nghĩa là điều mà Đức Phật ngăn, tức ăn phi thời v.v... Mặc dù không phải tội tánh, mà Đức Phật vì bảo vệ hữu tình trong chánh pháp, nên ý riêng cấm chỉ người thọ giới phạm, cũng gọi phạm giới. Vì phân biệt tội tánh, nên chỉ đặt tên giá. Là tánh và giá, đều gọi là giới. Giới này đều có hai, nghĩa là biểu và vô biểu. Vì thân ngữ nghiệp làm tự tánh. Giới đủ bốn đức được gọi thanh tịnh, hễ có giảm thiểu gọi là không thanh tịnh.

Nói bốn đức:

1. Không bị phạm giới làm hủy hoại. Nói phạm giới, là xem xét, tư duy phạm.

2. Không bị nhân phạm giới kia làm hủy hoại. Nhân kia, nghĩa là phiền não, tùy phiền não như tham v.v...

3. Y trị. Nghĩa là dựa vào niệm trụ v.v... Niệm trụ này có công năng đối trị phạm giới và nhân.

4. Y diệt. Nghĩa là nương tựa Niết-bàn, hồi hương Niết-bàn, vì không phải có của. Nói v.v... biểu thị còn có thuyết khác.

Có thuyết nói: Giới tịnh do năm thứ nhân:

1. Tịnh căn bản.
2. Tịnh quyển thuộc.
3. Không phải tầm hại.
4. Niệm nhiếp thọ.
5. Hồi hương tịch diệt.

Có sư khác nói: Giới có bốn thứ :

1. Giới sợ hãi. Nghĩa là sợ không sống, tiếng xấu, trị phạt, đường ác, sợ hãi nên thọ giữ Thi-la.

2. Giới hy vọng. là tham có các địa vị tốt hơn, nhiều của, cung kính, khen ngợi, mà vâng giữ giới tịnh.

3. Giới thuận với chi giác. Nghĩa là cầu giải thoát và chỉ quán, nên vâng giữ tịnh giới.

4. Giới thanh tịnh. Nghĩa là giới vô lậu. Người giữ giới kia có thể lìa hẳn nghiệp hoặc, cấu.

Đã nói về loại giới, sẽ nói loại tu. Tụng nói:

*Thiện đẳng dẫn gọi tu  
Rất hay huân tập tâm.*

**Luận nói:** Thiện đẳng dẫn. Nghĩa là tự tánh đẳng trì ở trong định và điều thiện kia đều có, tức đẳng dẫn này gọi là tu, vì tột cùng huân tập tâm, nên tu là nghĩa huân, như hoa hun ướp, dầu gai, nghĩa là các định thiện nối tiếp nhau ở tâm, rất hay huân tập, khiến thành loại đức, vì không phải thiện bất định, nên gọi riêng là tu.

Trước đã nói về phước thí cho, chiêu cảm giàu to hai loại: Tu, giới được chiêu cảm ra sao? Tụng nói:

*Tu, giới hơn thứ lớp  
Cảm sinh trời, giải thoát.*

**Luận nói:** Giới chiêu cảm sinh lên cõi trời, tu chiêu cảm giải thoát. Nói hơn, vì biểu thọ rõ căn cứ ở vượt hơn, để nói, nghĩa là thí cho cũng chiêu cảm quả sinh cõi trời, căn cứ vượt hơn để nói giới, giữ giới cũng chiêu cảm quả ly hệ. Căn cứ vượt hơn nói tu.

Cũng thế, tu giới cũng chiêu cảm quả đại phú. Căn cứ trời hơn nói thí cho, căn cứ so sánh nên biết.

Kinh nói bốn loại người có thể sinh phước Phạm:

1. Vì cúng dường Như Lai Đà-đô, xây tháp Phật ở chỗ chưa từng có.
2. Vì cúng dường Tăng-già bốn phương, xây cất chùa, thí cho vườn, bốn sự cung cấp.
3. Đệ tử Phật không hòa hợp có thể làm cho hòa hợp.
4. Tu từ v.v... khắp đối với hữu tình.

Phước phạm Như thế, lượng ấy thế nào? Tụng nói:

*Cảm kiếp sinh cõi trời  
Là một lượng phước Phạm.*

**Luận nói:** Có sư khác nói: Tùy theo phước, có công năng chiêu cảm sinh lên cõi trời một kiếp, thọ hưởng diệu lạc, lượng này gọi là lượng của một phước Phạm. Do người kia khi đã cảm thọ hưởng diệu lạc, vì đồng với trời Phạm Phụ, sống lâu một kiếp. ở bộ khác, có Già-tha nói:

*Người có tín chánh kiến  
Và tu mười thắng hạnh...  
Ấy là phước sinh Phạm  
Cảm vui trời một kiếp.*

Người kia đã lìa dục tu bốn tâm vô lượng, sinh trời cõi trên, thọ



hưởng niềm vui sống lâu một kiếp. Nếu chưa lia dục mà xây tháp, xây chùa, hòa hợp tăng, hay siêng tu tập gia hạnh từ v.v... Vì người kia cũng như tu vô lượng căn bản, chiêu cảm thú vui cõi trời một kiếp.

Há là thuyết trước đã nói: Cõi Dục không có nghiệp thiện có công năng chiêu cảm dị thực một kiếp. Không có một nghiệp thiện nào giống như bất thiện, chỉ một sát-na mà có thể chiêu cảm tuổi thọ một kiếp.

Vì căn cứ vào lý như thế, nên nói rằng: Tuy nhiên đối với một sự phát khởi nhiều tư, theo thứ lớp, hay chiêu cảm thú vui cõi trời với lượng một kiếp, nghĩa là chết ở kia, lại kia sinh ở, nên kiếp vui được nói không có lỗi trái với trước.

Có sư khác nói: Ở đây, như đã nói về phước lượng đã nói trong nghiệp diêu tướng, nghĩa là nói chỉ trừ Bồ-tát của hữu sau. Ngoài ra tất cả sở tu của hữu tình, đều chiêu cảm nghiệp quả giàu, vui là lượng v.v... của một phước.

Khế kinh nói: Sự thí cho, tóm tắt có hai thứ:

1. Thí của.
2. Thí pháp.

Về thí của đã nói xong, còn Thí pháp thế nào? Tụng nói:

*Pháp thí là như thật*

*Biện giải kinh không nhiễm...*

**Luận nói:** Nếu có thể như thật vì các hữu tình, đem tâm không có nhiễm, nhằm nói về Khế kinh, sao cho sinh ra chánh giải, gọi là pháp thí. Nói như thật là biểu thị chủ thí pháp, đối với Khế kinh v.v... hiểu không có điên đảo. Thuyết nói vô nhiễm, là nói rõ chủ pháp thí, không mong cầu lợi dưỡng, cung kính, tiếng tăm. Không như vậy, ấy là vì mình, người khác đều cùng có tổn hại.

Khế kinh v.v... là mười một thứ còn lại, tức biểu thị từ Khế kinh, cho đến Nghị luận.

Nói Khế kinh. Nghĩa là khả năng thấu nhiếp, dung nạp chung, các lời nói thuận theo lý kiên thật của thế tục, thắng nghĩa. Như thế Khế kinh là Phật đã nói. Hoặc đệ tử Phật vì được Phật cho phép, nên nói.

Nói Ứng tụng. Nghĩa là dùng câu cú, ngôn từ tốt đẹp thù thắng biên tập, thuận theo thuật lại, khen ngợi thuyết mà Khế kinh đã nói. Có thuyết nói cũng là kinh không liễu nghĩa.

Nói Ký biệt. Nghĩa là thuận theo các câu hỏi đáp khác, phân tích, giải thích, như nói trong Ba-la-diễn-noa v.v... Hoặc các giải thích vốn có từng sẽ hiện nói nghĩa chân thật, đều gọi là ký biệt. Có thuyết nói: Là các kinh liễu nghĩa của Phật.

Nói Phúng tụng. Nghĩa là bằng sự thẳng diệ, biên tập câu, lời nói, không phải thuận theo nói lại thuyết trước mà là vì khen, vịnh, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu câu v.v...

Nói Tự thuyết. Nghĩa là không nhân thỉnh Đức Thế Tôn vì muốn cho chánh pháp trụ lâu, đều là việc ít có, kỳ diệ, vừa ý tự nói, diệ biện cùng lưu truyền, như nói: “Na già nầy do Na già v.v... kia”.

Nói Duyên khởi. Nghĩa là nói tất cả nguyên do khởi nói, phần nhiều là điều phục, tương ứng với luận đạo. Người kia do duyên khởi đó mà được sáng tỏ.

Nói Thí dụ. Nghĩa là khiến cho chúng hữu tình đều hiểu rõ tông nghĩa đã nói, nên dẫn rộng nhiều môn, để so sánh, khai thị. Như các Khế kinh Trường dụ v.v... đã nói.

Có thuyết nói: Đây là trừ các Bồ-tát, nói bản hạnh khác, có thể có đối tượng chứng, chỉ cho người được hóa độ.

Nói Bản sự. Nghĩa là nói về việc từ xa xưa, lần lượt truyền đạt đến nay, không nói rõ các sự do người nào đã nói.

Nói Bản sinh. Nghĩa là nói về công hạnh mà Bồ-tát vốn đã thực hành. hoặc căn cứ ở sự việc quá khứ, sanh ra các ngôn luận, tức là do các sự quá khứ mà ngôn luận được rớt ráo, đây gọi là Bản sự, như kinh Mạn Đà Đa nói: Nếu căn cứ ở việc hiện tại khởi các ngôn luận, thì phải do việc quá khứ ngôn luận được rớt ráo, đây gọi là Bản sinh. Như kinh La-sát tứ.

Nói Phương Quảng. là dùng chánh lý để nói rộng các pháp, do tánh tướng của tất cả pháp rất nhiều, nếu không phải dùng lời lẽ rộng thì không thể nói, cũng gọi phá rộng, do lời nói rộng nầy, có khả năng phá tan bóng tối của vô trí rất đối vững chắc. Hoặc gọi vô tỷ, do nghĩa lý sâu xa của lời nói nầy rất rộng, mà pháp khác không thể so sánh.

Có thuyết nói: Đây là nói rộng về tư lương của Đại Bồ-đề.

Nói pháp ít có. nghĩa là ở đây chỉ nói về pháp xuất thế gian ít có, kỳ diệ, do đó có thể thật sự hiểu rõ sự ít có của ba thừa.

Có sự khác nói: Nói Tam bảo, vì đời ít được nghe, nên gọi là pháp ít có.

Nói Luận nghị. Nghĩa là trong các phần nghĩa đã nói ở trên, không có trái ngược, chỉ rõ, bằng cách giải thích, vấn nạn, quyết trách.

Có thuyết nói: Đối với nghĩa sâu mầu mà kinh đã nói, người đã thấy chân thật, hoặc người Trí khác thuận theo lý, nói, giải thích, cũng gọi luận nghị, tức ở đây gọi là Ma-đát-ly-ca. Lúc giải thích nghĩa kinh khác, luận nghị nầy làm bản mẫu, nên còn gọi là A-tỳ-đạt-ma, vì làm

hiện đối với tướng các pháp, nên hiển thị không có trái ngược tướng các pháp.

Mười hai phần giáo, đã nói như thế, lược nói, nên biết thuộc về ba tạng.

Nói ba tạng:

1. Tạng Tố-đát-lãm.

2. Tạng Tỳ-nại-da.

3. Tạng A-tỳ-đạt-ma.

Sự khác nhau giữa ba tạng ấy ra sao?

Chưa gieo trồng thiện căn, chưa hoan hỷ đối với thắng nghĩa, khiến cho gieo trồng, ham thích, nên nói là Khế kinh. Đã gieo trồng, đã vui mừng khiến cho nối tiếp nhau thành thực, làm những điều phải làm, vì nói điều phục. Đã thuần thực, đã làm, khiến cho được tỏ ngộ, giải thoát, dùng chánh phương tiện nên nói Đối pháp. Hoặc dùng văn từ thanh diệu, lược, rộng, chải chuốt các pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, sao cho dễ hiểu, gọi là Khế kinh. Nói về tu hành phép tắc Thi-la, phương tiện thanh tịnh mạng, gọi là điều phục. Khéo hay biểu thị sáng tỏ nghĩa lý sâu mâu trong các Khế kinh, được gọi là Đối pháp. Hoặc dựa vào tuệ học của giới tâm tăng thượng, mà luận nói về đạo.

Như thứ lớp đó, gọi là Khế kinh, điều phục, Đối pháp. Hoặc tạng Tố-đát-lãm là đẳng lưu lược. Vì nghĩa lý đã nói trong các kinh, rốt ráo không có khả năng khuất phục.

Tạng Tỳ-nại-da là đẳng lưu đại bi, nói về Thi-la, vì cứu giúp đường ác.

Tạng A-tỳ-đạt-ma là đẳng lưu vô úy: Trong pháp tướng chân thật có khả năng khéo an lập hỏi đáp, quyết trạch, vì không có sợ sệt.

Ba tạng của các loại như thế v.v... không đồng, trong Tỳ-bà-sa đã phân biệt rộng.

Trước đã giải thích riêng về ba việc phước nghiệp. Nay, giải thích thuận với ba phần thiện trong kinh. Tụng nói:

*Thuận phước, thuận giải thoát*

*Thuận quyết trạch là ba*

*Cảm Niết-bàn, quả ái*

*Thánh đạo thiện thứ lớp.*

**Luận nói:** Thuận với thiện, phần phước, nghĩa là chiêu cảm hạt giống của quả ái trong cõi người, cõi trời v.v... của thế gian. Do sức này, có thể chiêu cảm các sắc đẹp, giàu to, dòng họ lớn cao sang của thế gian, Luân vương, Đế thích, Ma vương, Phạm vương, các quả ái của các

loại như thế v.v.... Thuận với thiện, phần giải thoát, nghĩa là an lập giải thoát A-thế-da thiện, sao cho không có nghiêng động.

Do đó, quyết định sẽ nhập Niết-bàn. Nói về địa v.v... tự tánh thiện căn này, nên biết như ở phẩm Hiền Thánh, thuận với thiện của phần quyết trạch, có nghĩa là bốn vị như Noãn v.v... ở đây, cũng như sau sẽ nói về xứ Hiền Thánh. Như thế gian nói sách, ấn, toán, văn, số.

Tự thể của năm thứ này thế nào, nên biết. Tụng nói:

*Các như lý đã khởi  
Ba nghiệp và hay phát  
Như thứ lớp, sách, in  
Tự thể toán, văn, số.*

**Luận nói:** Như lý khởi, nghĩa là chánh gia hạnh sinh, ba nghiệp, nên biết là thân, ngữ, ý. Năng phát tức là năng khởi. Ba thứ này, như pháp thọ, tướng v.v... đối tượng thích ứng của ba thứ đó. Sách, in trong đây, lấy thân nghiệp trước và năm uẩn chủ thể phát kia làm thể, không phải các chữ, tượng, tức gọi là sách, chỗ khắc in văn gọi là in, nhưng do nghiệp tạo chữ, hình tượng in văn, nên biết gọi là sách in trong đây, kế là, toán và văn. Dùng ngữ nghiệp trước và năm uẩn, chủ thể phát kia làm thể. Số sau, nên biết lấy ý nghiệp trước và bốn uẩn năng phát ra làm thể, chỉ do pháp năng đếm của ý tư, nên phải nói, một phần ít tên khác trong các pháp tướng của Thánh giáo, không để mê lầm. Tụng nói:

*Vô lậu thiện, gọi diệu  
Nhiễm có tội, phú, kém  
Hữu vi thiện, nên tập  
Giải thoát gọi vô thượng.*

**Luận nói:** Pháp vô lậu thiện cũng gọi là Diệu. Vì nó vượt hơn pháp nhiễm, vô ký và hữu lậu, nên chỉ pháp vô lậu này được gọi là diệu. Các pháp nhiễm ô cũng gọi là có tội, thường bị các người trí nhàm chán, quở trách. Cũng gọi là hữu phú, vì ngăn che đạo Giải thoát, cũng gọi là hèn kém vì rất xấu xí, như bẩn, phải từ bỏ.

Căn cứ sự diệu, kém này, pháp chính giữa khác đã thành, nên trong Tụng không nói. Tức thiện hữu lậu vô phú vô ký, đều gọi là chính giữa. Các thiện hữu vi cũng gọi là nên tập. Ngoài ra, nghĩa không nên tập theo đây tự thành.

Hỏi: Vì sao vô vi không gọi là nên tập?

Đáp: Vì không thể nói thường tập trong trạng thái nối tiếp nhau, khiến tăng và không có quả, nghĩa là nếu có pháp ở trong nối tiếp nhau,

có thể thường khiến cho sinh tập, khiến cho thêm lớn, như Thánh đạo v.v... có thể gọi nên tập. Vô vi thì không như vậy nên không đặt tên là nên tập. Tuy nhiên, khuyên đặt Niết-bàn ở trong tâm, nhằm giáo hóa hữu tình khiến hưởng đến Niết-bàn, khuyến khích thường hiện khởi duyên trí thiện Niết-bàn, nên nói thế này: Không phải cho rằng nên tập. Lại, vì làm quả nên tập, vô vi, vì không có quả.

Bất thiện, vô ký, không phải nên tập, vì thể vô vi kia không phải pháp thăng tấn, nên giải thoát, Niết-bàn cũng gọi vô thượng, vì không có một pháp nào có thể hơn Niết-bàn, vì là thiện, là thường, vượt lên trên mọi pháp.

Niết-bàn là thiện, vì sao?

Nên biết do Khế kinh nói: Vì tốt cùng sự yên ổn, lại nói: “Sự yên ổn là nghĩa thiện”, pháp khác còn có nghĩa trên, chuẩn theo đây mà thành, tức tất cả hữu vi, hư không, phi trạch diệt.

